

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 06-5-2021

“V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất và yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tôn Thọ Nuôi.

2. Bà Kiều Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh LA xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 58/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 03/2021/QĐST-DS ngày 15/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA.

Bị đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà N: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA.

2/ Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn L – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bé B1 – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐH, tỉnh LA.

3/ Bà Đặng Thị C1, sinh năm 1941 (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà C1:

3.1/ Bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA.

3.2/ Ông Lê Thanh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp An Thạnh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA.

3.3/ Bà Lê Thị Bé N1, sinh năm 1970.

Địa chỉ Ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA.

3.4/ Ông Lê Văn T1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA.

3.5/ Bà Lê Thị T2, sinh năm 1962 (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T2: Bà Hồ Ngọc H1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp Đức Ngãi 1, xã Đức Lập Thượng, huyện ĐH, tỉnh LA.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của các ông bà Lê Thị Ngọc B, Lê Thanh T, Lê Thị Bé N1, Lê Văn T1, Hồ Ngọc H1: Ông Lê Văn C, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA.

3.6/ Ông Lê Thanh T3, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA.

3.7/ Bà Lê Thị Q, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA.

(Ông C, ông P, ông T3, bà Q, bà H có mặt tại phiên tòa; bà B1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2019, ngày 16/4/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Văn C trình bày: Ông có khai phá phần đất thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA từ trước năm 1975 và trực tiếp quản lý và sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Đến năm 2014, ông đi kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát hiện phần đất của ông đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn P. Nay ông khởi kiện yêu cầu như sau:

+ Yêu cầu Tòa án công nhận cho ông phần đất có diện tích 700m², thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA.

+ Yêu cầu Tòa án hủy 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 511803 do UBND huyện ĐH cấp ngày 30/10/1997 mang tên ông Lê Văn P.

Theo đơn khởi yêu cầu trả lại đất ngày 13/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Văn P trình bày: Ông là chủ sở hữu thửa đất 283 (số cũ) và 383

(số mới) diện tích 1.143m², loại đất LUA, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 511803 do UBND huyện ĐH cấp ngày 30/10/1997. Nguồn gốc phần đất này là ông được thừa kế lại từ cha mẹ.

Lúc cha mẹ ông còn sống thì có cho ông Lê Văn C mượn một phần để bắt mạ làm lúa. Sau đó ông C sử dụng cho đến nay mà không trả lại cho ông. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông C trả lại phần đất trên nhưng ông C không trả. Nay ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận cho ông C phần đất có diện tích 700m², thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA và yêu cầu Tòa án hủy 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 511803 do UBND huyện ĐH cấp ngày 30/10/1997 mang tên ông Lê Văn P thì ông không đồng ý. Ông có yêu cầu ông Lê Văn C phải hoàn trả lại cho ông phần đất có diện tích 700m², thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA.

Tại Công văn số 5325/UBND-NC ngày 24/9/2019, Ủy ban nhân dân huyện ĐH trình bày: Trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn P năm 1997 tại thửa 383, tờ bản đồ số 7, xã ANT thì ông Lê Văn P đứng tên trên Sổ mục kê đất được lập ngày 15/5/1998. Theo hồ sơ lưu trữ việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: Ngày 30/7/1997, Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn P với tổng diện tích 7.991m² gồm 03 thửa đất, đất tọa lạc tại xã ANT là căn cứ vào hồ sơ xét giấy của Hội đồng đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của xã ANT và danh sách những hộ đủ điều kiện đã được thông qua Hội đồng xét duyệt, trong đó có ông Lê Văn P (số thứ tự 102). Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn P năm 1997 là cấp đại trà, không có đo đạc thực tế đất, chỉ dựa vào bản đồ địa chính do Ủy ban nhân dân xã quản lý. UBND huyện ĐH đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các bên tranh luận như sau:

- Bà Lê Thị Ngọc Hận tranh chấp: Tuy bà không có ở nhà thường xuyên nhưng mỗi tháng về thăm nhà 01 lần, bà đều chứng kiến là ông P và ông C tranh chấp nhau về phần đất, giành đất nhau còn xô xát với nhau, gây thương tích cho ông P và bà N. Bà cũng có hỏi ông P sao không đi kiện, thì ông P Ni là ông P đang đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đất của ông P. Điều này chứng tỏ là ông P có tranh chấp đòi đất, chứ không phải không tranh chấp.

Thửa 383 là hình chữ U, nhìn vào biết ngay là đất nhà bà. Vì xung quanh là đất của anh em nhà bà, không có đất của người ngoài, thì không lý gì đất của ông C lại lọt thỏm vô đó được.

- Ông Lê Văn P tranh luận: Bà Lê Thị Q cho rằng phần đất tranh chấp này trước giờ do ông C canh tác là không hợp lý. Vì bà Q còn nhỏ sao biết được nguồn gốc đất. Nếu đất đó của ông C làm lâu rồi mà tại sao Nhà nước không cấp giấy cho ông C mà lại cấp cho ông. Cha mẹ ông canh tác đất đó là có chứng cứ, hàng xóm cấy lúa cho cha mẹ ông vào tháng 12 âm lịch năm 1992.

Trước đây cha ông đi cách mạng, có về khai thác trên đất này, kêu người bóc hốt mạ quảng lên bờ để trồng trọt. Bà Q còn nhỏ nên làm sao biết được mà nói

như vậy. Lúc đó ông vừa chăn trâu vừa hốt lúa cấy lên. Chính cha mẹ của ông là người đã san đất gò thành bằng phẳng chứ không phải gia đình ông C. Ông C hoàn toàn không khai hoang gì hết.

- Ông Lê Văn C tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết đúng quy định của pháp luật.

- Ông Lê Thanh T3 tranh luận: Ông P nói đất của ông P thì chỉ là lời nói suông, không có chứng cứ. Còn gia đình ông khai hoang khai khẩn canh tác từ trước đến giờ, đến lúc tranh chấp thì ông vẫn đang canh tác trên đất này.

Bà Hận nói vậy cũng chưa chính xác. Nguồn gốc đất trước chiến tranh thì đất đó đâu ai đứng tên. Sau này ông P có cất cái chòi, còn được nhà nước cất cái nhà tình thương ở đó nên đất này ai cũng nghĩ là đất nhà nước chứ đâu có đất của riêng ai.

- Bà Lê Thị Q tranh luận: Thống nhất với lời trình bày của ông T3. Việc ông P nói bà nhỏ tuổi không biết vụ việc là không đúng, với tuổi đời của bà thì bà đã nhận thức được, đã thấy gia đình canh tác trên phần đất này, lối xóm đều biết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa như sau:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, thực hiện hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng, xác định quan hệ tranh chấp, người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử cũng như Thư ký Tòa án tham gia giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định.

+ Về nội dung:

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã ANT ngày 10/11/2020 và lời trình bày của ông Trương Văn Mầm nguyên là Trưởng ấp thời điểm đó và những người sống gần phần đất tranh chấp như ông Nguyễn Văn Xứ, ông Lê Văn Kêu, ông Nguyễn Văn Trận, ông Lê Văn Nhộng, ông Đỗ Văn Lô, bà Đỗ Thị Xuyên thì xác định phần đất tranh chấp thửa 383 ông C khai phá và sử dụng ổn định từ năm 1980 đến nay, không có tranh chấp và theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐH thể hiện phần đất tranh chấp hiện nay đang trồng lúa do ông Lê Văn C quản lý và sử dụng. Theo công văn số 489/BC-PTNMT UBND huyện ĐH xác định thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn P năm 1997 là cấp đại trà, không có đo đạc thực tế, chỉ dựa vào bản đồ địa chính do UBND xã quản lý. Do đó, việc ông P cho rằng phần đất tranh chấp cha mẹ ông P cho ông C mượn ông P có đòi nhiều lần nhưng ông C không trả nhưng không có chứng cứ chứng minh, ông C không thừa nhận việc cha mẹ ông P cho mượn đất.

Từ những phân tích trên, thấy rằng phần đất tranh chấp đã được ông C sử dụng ổn định lâu dài, không tranh chấp nên ông C là người sử dụng ngay tình, liên tục, công khai trên 30 năm, nên ông C trở thành chủ sở hữu đối với phần đất tranh chấp có diện tích 551m² thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA theo quy định tại Điều 236 BLDS năm 2015. Vì vậy, UBND huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất nêu trên cho ông Lê Văn P, nhưng thực tế không có quá trình sử dụng đất nên việc cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cho ông P thuộc trường hợp không đúng đối tượng sử dụng đất. Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn P.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện, đơn yêu cầu trả lại đất, đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, đơn xin vắng mặt, hợp đồng ủy quyền, giấy ủy quyền, chứng thư thẩm định giá, biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, mảnh trích đo địa chính, biên nhận, biên bản hoàn tiền, đơn đề nghị đo đạc, định giá và thẩm định tại chỗ, sổ mục kê ruộng đất, biên bản xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tờ trình phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, danh sách tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, báo cáo số 489/BC-PTNMT, công văn số 5325/UBND-NC, công văn số 10849/UBND-NC, biên bản hòa giải, giấy làm nhân chứng, đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân, đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân thực tế, đơn xin xác nhận, đơn yêu cầu thu thập chứng cứ, đơn xin xác nhận nơi cư trú, lời khai bổ sung, bản trình bày ý kiến, bản tự khai, bản tự khai nội dung vụ việc, biên bản lấy lời khai, giấy khai sinh, đơn yêu cầu xác minh người làm chứng, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Ông Lê Văn C khởi kiện ông Lê Văn P với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngược lại ông P yêu cầu ông C trả lại quyền sử dụng đất. Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án nhân dân tỉnh LA thụ lý giải quyết là theo quy định của pháp luật hiện hành.

[2.2] Bà Nguyễn Thị Bé Bi là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện ĐH có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Bi.

[2.3] Về áp dụng thời hiệu: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên theo quy định tại khoản 3 Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015 không tính thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 511803, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 739 QSDĐ/0703LA ngày 30/10/1997 do Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp cho ông Lê Văn P đứng tên đối với thửa 283, tờ bản đồ số 7, diện tích

1.143m² và vào ngày 31/7/2012 điều chỉnh thành thửa 383, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.143m² (không qua đo đạc thực tế), tọa lạc tại ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA.

Mảnh trích đo địa chính số 418-2019 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập 10/6/2019, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 09/7/2019 thì phần đất tranh chấp giữa hai bên đương sự có diện tích 551m² thuộc một phần thửa 383, tờ bản đồ số 7 nêu trên.

[3.2] Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/5/2019 các đương sự thống nhất “*Hiện trạng phần đất nêu trên đang canh tác lúa nước và do ông Lê Văn C quản lý và sử dụng*”. Tại xác nhận ngày 17/4/2019 của Ủy ban nhân dân xã ANT, huyện ĐH (thể hiện trên đơn yêu cầu thu thập chứng cứ ngày 16/4/2019 của ông Lê Văn C) có nội dung “*Ông Lê Văn C, sn 1939. HKTT: ấp An Ninh, xã ANT đang trực tiếp sử dụng thửa đất số 383 (1p), tờ bản đồ số 7 từ năm 1980 đến nay*” và tại Biên bản hòa giải ngày 26/12/2018 của Ủy ban nhân dân xã ANT, huyện ĐH cũng thể hiện “*Qua xác minh được biết nguồn gốc đất này là do ông Lê Văn C khai phá và do ông C trực tiếp canh tác từ năm 1980 đến nay*”. Bên cạnh đó, tại bản tự khai ngày 13/5/2019, ông Lê Văn P cho rằng “*....thửa 383, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, LA...Lúc mẹ tôi còn sống. Mẹ tôi có cho ông Lê Văn C mượn đất bắt mạ một phần của đất nêu trên. Sau này mẹ tôi chết, tôi đã nhiều lần yêu cầu ông C trả lại cho tôi...*” và tại Tờ tường trình (không ghi ngày tháng năm) ông P trình bày “*...sau đó năm 1990 đến năm 1992 mẹ (Lương Thị Nàng) làm thửa 383 có mượn chủ tên Sơn cày đất; có mượn cô tên Mễn cấy vào tháng bảy âm lịch năm 1992; mẹ cũng mượn chủ tên Dầy cấy lúa cùng mẹ tháng chạp (12) năm 1992. Hết năm 1992 thì ông C mượn bắt mạ...*”. Tuy nhiên, ông P không chứng minh được phần đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của cha, mẹ ông là ông Lê Văn Thiểu và bà Lương Thị Nàng, đồng thời cũng không chứng minh được có việc bà Nàng cho ông C mượn đất và ít nhất ông C cũng canh tác đất từ cuối năm 1992 (theo lời ông P) cho đến nay nhưng vào ngày 30/10/1997 ông P được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 383 nêu trên là chưa đúng đối tượng sử dụng.

Từ những căn cứ trên, có đủ cơ sở khẳng định ông Lê Văn C là người sử dụng phần đất tranh chấp nêu trên. Ủy ban nhân dân xã ANT có Tờ trình ngày 12/10/1997 và Phòng Địa chính huyện ĐH có Tờ trình số 68/TT.RĐ.CCN ngày 30/10/1997 về việc phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dẫn đến Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA ban hành Quyết định số 807/QĐ.UB ngày 30/10/1997 để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 1.138 cá nhân, trong đó có ông Lê Văn P đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 511803 nêu trên là không hoàn toàn chính xác về đối tượng sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 1993, Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và Quyết định số 201/QĐ.ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất. Vì vậy, cần hủy một phần Quyết định số 807/QĐ.UB ngày 30/10/1997 và một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 511803 nêu trên của Ủy ban nhân dân huyện ĐH đối với phần đất thuộc một phần thửa 383, tờ bản đồ số 7, diện tích 551m², tọa lạc tại ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA. Mặc dù, nguyên đơn

không có yêu cầu hủy quyết định cá biệt nhưng xét thấy Quyết định số 807/QĐ.UB liên quan trực tiếp đến việc giải quyết vụ án nên cần hủy theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mới đảm bảo quyền lợi chính đáng của đương sự.

Từ đó thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn C là có cơ sở chấp nhận; yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Văn P là không có căn cứ chấp nhận và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Lê Văn P phải chịu toàn bộ theo quy định tại Điều 157, 158, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Ông Lê Văn C và ông Lê Văn P đều trên 60 tuổi là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39, 147, 157, 158, 165, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116, 117, 134, 155, 457, 459, 609, 612, 624, 625, 630, 635, 636, 640 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Điều 5, 17, 100, 166, 170 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và Quyết định số 201/QĐ.ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C.

[2] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn P về việc yêu cầu trả lại đất bị lấn chiếm.

[3] Công nhận cho ông Lê Văn C có quyền sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai đối với phần đất thuộc một phần thửa 383, tờ bản đồ số 7, diện tích 551m², tọa lạc tại ấp An Ninh, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh LA. Có vị trí tứ cận theo Mảnh trích đo địa chính số 418-2019 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập 10/6/2019, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 09/7/2019.

[4] Hủy một phần Quyết định số 807/QĐ.UB ngày 30/10/1997 và một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 511803, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 739 QSĐĐ/0703LA ngày 30/10/1997 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH đối với phần đất nêu tại mục [3].

[5] Ông Lê Văn C và ông Lê Văn P có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

[6] Về chi phí tố tụng: Buộc Lê Văn P phải chịu 5.000.000 đồng, trong đó để hoàn trả cho ông Lê Văn C số tiền 2.700.000 đồng; ông P chịu 2.300.000 đồng (đã nộp xong).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ cho ông Lê Văn C và ông Lê Văn P.

[8] Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa và kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh LA;
- Cục THADS tỉnh LA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh